HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2020/NQ-HĐND	*Quảng Trị, ngày 21 tháng 4 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; quy định mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 1640/TTr-UBND ngày 15/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 20/4/2020 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp và phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố;

b) Quy định khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn;

c) Quy định hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố;

d) Quy định mức bồi dưỡng đối với người tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn;

b) Tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố;

c) Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

d) Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn;

e) Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

g) Những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố;

h) Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 2. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn:

a) Số lượng:

- Xã, phường, thị trấn loại I: 14 người;
- Xã, phường, thị trấn loại II: 12 người;
- Xã, phường, thị trấn loại III: 10 người.

b) Chức danh và mức phụ cấp: Ban hành kèm theo Phụ lục I.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

a) Số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố: 03 người.

b) Chức danh và mức phụ cấp: Ban hành kèm theo Phụ lục II.

3. Khuyến khích kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách. Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được giao kiêm nhiệm thêm chức danh những người hoạt động không chuyên trách mà giảm đi một người làm việc so với quy định, được hưởng thêm 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm có mức phụ cấp cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 3. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; quy định mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

1. Khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn:

a) Các tổ chức chính trị - xã hội được khoán kinh phí hoạt động gồm có: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

b) Mức khoán: Tối thiểu 12.000.000 đồng/tổ chức/năm.

2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố:

a) Các tổ chức chính trị - xã hội được hỗ trợ kinh phí hoạt động gồm có: Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh và Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

b) Mức hỗ trợ:

- Thôn đặc biệt khó khăn: 2.000.000 đồng/tổ chức/năm;

- Thôn, tổ dân phố còn lại là: 1.500.000 đồng/tổ chức/năm.

3. Khoán kinh phí đối với các tổ chức chính trị - xã hội, hội đặc thù và người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố:

a) Các tổ chức gồm có: Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh và Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Chi hội người cao tuổi. Mức khoán: 5.500.000 đồng/tổ chức/năm.

b) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thôn biên giới hoặc hải đảo:

- Các chức danh: Phó Trưởng thôn; Phó Bí thư chi bộ hoặc Phó Bí thư Đảng ủy bộ phận được khoán kinh phí với mức 6,6 mức lương cơ sở/người/năm;

- Chức danh Phó Trưởng ban công tác Mặt trận được khoán kinh phí với mức 6,0 mức lương cơ sở/người/năm.

4. Mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố:

a) Đối với Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh và Bí thư Chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương, trên cơ sở các nguồn thu khác của các đoàn thể và khoản hỗ trợ của ngân sách, các đoàn thể chi trả bồi dưỡng tối thiểu là: 450.000 đồng/người/tháng, tối đa không quá 50% mức phụ cấp của Trưởng ban công tác Mặt trận nơi người đó tham gia công tác. Việc chi trả do tập thể quyết định.

b) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thôn biên giới hoặc hải đảo.

- Các chức danh: Phó Trưởng thôn, Phó Bí thư chi bộ hoặc Phó Bí thư Đảng ủy bộ phận được hưởng mức bồi dưỡng: 0,55 mức lương cơ sở/người/tháng;

- Chức danh Phó Trưởng ban công tác Mặt trận được hưởng mức bồi dưỡng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết này do ngân sách nhà nước chi trả; trong đó phần tăng thêm do tăng thêm chính sách đặc thù của địa phương do ngân sách địa phương chi trả.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, khu phố.

Chức danh Công an viên tiếp tục hưởng phụ cấp theo quy định tại Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị đến khi cơ quan nhà nước ở Trung ương có quy định mới.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VII, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2020./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Vụ Pháp chế Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT-HĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục I

CHỨC DANH VÀ MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên chức danh	Số lượng người			Mức phụ cấp		
		Cấp xã loại I	Cấp xã loại II	Cấp xã loại III	Cấp xã loại I	Cấp xã loại II	Cấp xã loại III
1	Tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy (Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra Đảng - Tuyên giáo - Dân vận Đảng)	2	2	1	1,15	1,15	1,15
2	Phó Chỉ huy trưởng Quân sự	2	1	1	1,26	1,26	1,26
3	Kế hoạch - giao thông - thủy lợi ở xã và Kế hoạch - thương mại - dịch vụ - đô thị ở phường và thị trấn	1			1,15		
4	Văn thư - lưu trữ	1	1		1,15	1,15	
5	Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, tuyên truyền cấp xã loại I và loại II hoặc Phụ trách đài truyền thanh, thông tin, tuyên truyền - Lao động, thương binh và xã hội xã loại III	1	1	1	1,15	1,15	1,26
6	Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc	1	1	1	1,26	1,26	1,26
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1	1	1	1,15	1,15	1,15
8	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	1	1	1,15	1,15	1,15

9	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1	1	1,15	1,15	1,15
10	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh - Chủ tịch Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam	1	1	1	1,26	1,26	1,26
11	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1	1	1	1,26	1,26	1,26
12	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ hoặc Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ - Người khuyết tật và Bảo trợ xã hội	1	1	1	1,26	1,26	1,26

Phụ lục II

CHỨC DANH VÀ MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp		
		Bí thư Chi bộ hoặc Bí thư Đảng ủy bộ phận	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng dân phố	Trưởng ban công tác Mặt trận
1	Số lượng	1	1	1
2	Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn biên giới hoặc hải đảo	1,2	1,2	1
3	Thôn còn lại và tổ dân phố	1,05	1,05	0,9